

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/8/2022  
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con, chia tài sản khi ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yên.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Đăng Hùng**

Ông **Vũ Văn Tám**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Lường Văn Đoàn**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh **Lường Văn N** – Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

**Bị đơn:** Chị **Cà Thị X** – Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lường Văn N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Lường Văn N và chị Cà Thị X chung sống như vợ chồng từ tháng 11 năm 2006 đến ngày 12 tháng 06 năm 2007 anh chị đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh N và chị X kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc lừa dối. Anh chị chung sống hạnh phúc được 15 năm và có 02 con chung. Tuy nhiên trong quá trình sinh sống anh N và chị X có xảy ra mâu thuẫn nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã hai năm trở về đây, vợ chồng không thể thỏa thuận hòa giải bằng tình cảm và không thể chung sống hạnh phúc với nhau. Chị X đã tự dọn dẹp quần, áo và bỏ đi làm thuê, không được sự cho phép và sự đồng ý của anh N từ ngày 28/3/2022. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh Nghiên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Xiển.

Về con chung: Anh khai vợ chồng có hai con chung là Lương Thị Trúc T, sinh ngày 07/05/2007 và Lương Thị Thu T, sinh ngày 01/09/2012. Hiện nay cả hai con đang ở với anh N, sau khi ly hôn anh N có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, việc cấp dưỡng nuôi con anh N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quan hệ tài sản và công nợ:

*Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, diện tích ruộng nương:* Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Nợ phải trả:* Anh N có yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi các khoản nợ còn phải trả.

+ Vợ chồng anh có vay qua lương của anh N tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Đ, Phòng giao dịch B với số tiền là: 150.000.000 đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) hiện nay anh N đã trả 88.000.000 đ (*Tám mươi tám triệu đồng*), Nợ còn phải trả: 62.000.000 đ (*Sáu mươi hai triệu đồng*).

+ Vợ chồng anh vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ là: 70.000.000 đ (*Bảy mươi triệu đồng*) hiện còn đang dư nợ chưa trả.

Tổng nợ còn phải trả là: 132.000.000 đ (*Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn*).

*Tại bản tự khai chị Cà Thị X trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị X và anh N cưới nhau theo phong tục tập quán vào tháng 11/2006 đến ngày 12/6/2007 mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M. Anh chị sống với nhau và kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc lừa dối. Chung sống hạnh phúc được 10 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Nghiên ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh N nhiều lần xin lỗi nhưng vẫn không thay đổi. Đến ngày 05/3/2022 anh N đã đuổi chị X ra khỏi nhà nên anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh N có đơn xin ly hôn chị X đồng ý ly hôn với anh N.

*Về con chung:* Chị khai vợ chồng có hai con chung là Lương Thị Trúc T, sinh ngày 07/05/2007 và Lương Thị Thu T, sinh ngày 01/09/2012. Hiện các con chung đang ở với anh N, chị X nhất trí để anh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về quan hệ tài sản:*

*Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, diện tích ruộng nương:* Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Nợ phải trả:* Chị khai vợ chồng chị có hai khoản nợ chung. Anh chị vay qua lương của anh N tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Đ, Phòng giao dịch B với số tiền là: 150.000.000 đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) hiện nay anh N đã trả 88.000.000 đ (*Tám mươi tám triệu đồng*), Nợ còn phải trả: 62.000.000 đ (*Sáu mươi hai triệu đồng*). Vợ chồng chị có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ là: 70.000.000 đ (*Bảy mươi triệu đồng*) hiện còn đang dư nợ chưa trả. Tổng nợ còn phải trả là: 132.000.000 đ (*Một trăm ba mươi hai triệu đồng*). Chị nhất trí với các khoản nợ trên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai của cháu Lường Thị Trúc T và cháu Lường Thị Thu T ngày 24/6/2022:* Các cháu đều có nguyện vọng được xin ở với bố Lường Văn N.

*Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã làm văn bản trả lời Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Tại công văn số 290/CV-BIDV.ĐB ngày 27/4/2022 về việc hỗ trợ thu hồi nợ vay của anh Lường Văn N và chị Cà Thị X của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Điện Biên, Ngân hàng đã xác nhận khoản vay ban đầu của anh N và chị X là 150.000.000 đồng; dự nợ còn lại tính đến thời điểm ngày 26/4/2022 là 62.097.644 đồng (trong đó tiền gốc là 62.000.000 đồng và tiền lãi là 97.644 đồng). Toàn bộ khoản vay được cấp dưới hình thức vay vốn trả nợ bằng lương hàng tháng (Không có tài sản đảm bảo) của anh Lường Văn N và nguồn trả được bên vay và bên cho vay xác định chính là từ lương tháng của anh Nghiên do UBND xã N chi trả. Ngân hàng yêu cầu anh N và chị X phải thực hiện thanh toán đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí phát sinh trước khi anh chị ly hôn hoặc cá nhân anh N phải có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Tại Công văn số 61/CV-PGD ngày 06/5/2022 của phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án số 144/TB-TLVA ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên. Ngân hàng chính sách xã hội xác nhận gia đình anh Lường Văn N và chị Cà Thị X có vay Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng cụ thể: Ngày 18/7/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường; Ngày 18/9/2021 vay số tiền 50.000.000 đồng để đầu tư vào các hoạt động sản xuất hộ kinh doanh của gia đình. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Điện Biên yêu cầu Tòa án tuyên trách nhiệm trả nợ cho các đương sự để người có trách nhiệm trả nợ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ. Khi đã tuyên rõ trách nhiệm trả nợ, yêu cầu người có trách nhiệm trả

nợ phải hoàn trả ngay số tiền nợ trên cho Ngân hàng CSXH huyện Đ bao gồm cả gốc và lãi phát sinh.

Ngày 24/6/2022, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh N có ý kiến xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, cụ thể không yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi các khoản nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ với số tiền 70.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đ, phòng giao dịch B với số tiền 62.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội nhất trí với việc rút yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập.

Vì vậy, ngày 11/7/2022, Tòa án đã ra công văn chấm dứt tư cách tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội.

Tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân do anh Nghiên giao nộp có xác nhận của trưởng bản N, xã N và UBND xã N ngày 22/6/2022 đã xác nhận sau khi đăng ký kết hôn anh N và chị X đã chung sống hạnh phúc, đến ngày 28/3/2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Anh chị đang sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Hiện các cháu Lường Thị Trúc T và Lường Thị Thu T đang ở với anh N. Anh N là cán bộ làm việc tại Ủy ban nhân dân xã N với mức lương 7.500.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi cháu Trúc T và cháu Thu T, chị X hiện đang đi làm thuê từ tháng 3/2022 và vắng mặt tại địa phương cho đến nay.

Tại phiên tòa anh Lường Văn N giao nộp cho Tòa án danh sách những người được hưởng lương tháng 6 năm 2022 có xác nhận của Chủ tịch UBND xã N, trong danh sách thể hiện anh N có mức lương 7.554.747 đồng/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 13/4/2022 anh Lường Văn N nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với chị Cà Thị X có địa chỉ tại bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh Lường Văn N là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đã nộp đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí. Sau khi xem xét đơn khởi kiện Tòa án đã thụ lý vụ án vào ngày 19/4/2022 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh N theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa anh Lường Văn N và chị Cà Thị X thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Cà Thị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị X vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của chị X không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung.**

**[2.1] Xét về hôn nhân:** Anh Lương Văn N và chị Cà Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 2006 đến ngày 12 tháng 6 năm 2007 có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa anh N và chị X đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên không hiểu nhau và luôn xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Chị X khai anh N quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, tuy nhiên chị X cũng không giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Chị X và anh N đều công nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy anh N tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với chị Xiển.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án ngày 27/4/2022 chị X có lên Tòa án làm bản tự khai, về quan hệ hôn nhân chị X đồng ý ly hôn anh N vì tình cảm không còn. Ngày 24/6/2022 Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị X không đến tham gia để trình bày quan điểm của mình. Do chị X không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị X vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó đã thể hiện chị X chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 03 năm 2022 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của anh N và chị X vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh N và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa anh Lương Văn N và chị Cà Thị X.

**[2.2] Xét về con chung:** Anh Lường Văn N và chị Cà Thị X có 02 con chung là Lường Thị Trúc T sinh ngày 07/5/2007 và cháu Lường Thị Thu T sinh ngày 01/9/2012. Hiện các cháu đang ở với anh N tại bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh N và chị X đều có ý kiến để con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trúc T và cháu Thu T đều có nguyện vọng xin được ở với anh Lường Văn N.

Xét thấy, nguyện vọng của anh N, cháu Trúc T và cháu Thu T là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, anh N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cho các cháu đi học. Mặt khác, anh N là cán bộ đang làm việc tại UBND xã N với mức lương 7.554.747 đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Chị X hiện đi làm thuê từ tháng 3/2022 vắng mặt tại địa phương nên không đảm bảo về việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, cháu Trúc T và cháu Thu T, giao các con chung là Lường Thị Trúc T và Lường Thị Thu T cho anh Lường Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận việc đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Chị X được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**[3] Xét về tài sản:**

Về tài sản chung: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa anh Lường Văn N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, cụ thể anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi các khoản nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ với số tiền 70.000.000 đồng và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đ, phòng giao dịch B với số tiền 62.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu khởi kiện của anh N là tự nguyện, nên HĐXX đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu này theo điều 217, khoản 2 Điều 244 BLTTDS. Anh N có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định tại Điều 218 BLTTDS.

Về tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh N và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Anh Lường Văn N là người dân tộc

thiếu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 18; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Lường Văn N và chị Cà Thị X.

**2. Về con chung:** Giao con chung Lường Thị Trúc T sinh ngày 07/5/2007 và Lường Thị Thu T sinh ngày 01/9/2012 cho anh Lường Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc khi có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

#### **3. Về quan hệ tài sản:**

- Tài sản chung: Đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện của anh Lường Văn N đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Các đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

- Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Anh Lường Văn N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự anh Lường Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Cà Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã M., HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yên**



